

Hoạt động của các tổ chức Phật giáo yêu nước trong cách mạng giai đoạn 1945-1954

ISSN: 2734-9195

14:30 11/09/2025

Giai đoạn 1945-1954 là một minh chứng hùng hồn cho tinh thần yêu nước và sự nhập thể của các tổ chức Phật giáo Việt Nam. Đứng trước hiểm họa mất nước, các tổ chức Phật giáo yêu nước đã tham gia vào mọi mặt của cuộc kháng chiến, thể hiện sự dấn thân toàn diện.

Tác giả: **ThS. Hồ Bảo (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Giai đoạn 1945-1954 là một chương hào hùng trong lịch sử Việt Nam, mở đầu bằng Cách mạng Tháng Tám năm 1945 lật đổ ách thống trị thực dân phong kiến, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra một kỷ nguyên mới về độc lập và tự do cho dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, nền độc lập non trẻ này ngay lập tức phải đối mặt với vô vàn thách thức. Thực dân Pháp âm mưu tái chiếm toàn bộ Việt Nam và Đông Dương, đẩy dân tộc Việt Nam vào một cuộc kháng chiến trường kỳ.

Đáp lại Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 19/12/1946, với tinh thần "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", cuộc kháng chiến chống Pháp kéo dài chín năm (1946-1954) là một minh chứng cho ý chí kiên cường, thông minh và sáng tạo của quân và dân Việt Nam. Thắng lợi này đòi hỏi một sự gắn kết quốc gia ở mức độ chưa từng có và khả năng huy động mọi nguồn lực, phải đoàn kết tất cả các lực lượng xã hội, bao gồm cả các cộng đồng tôn giáo.

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ khoảng thế kỷ thứ III trước Công nguyên, đã có một mối liên hệ sâu sắc và lâu dài với lịch sử dân tộc, ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống của Nhân dân. Trải qua hàng nghìn năm, Phật giáo đã

dung hợp và kết hợp với các tín ngưỡng bản địa, hình thành nên một bản sắc riêng biệt, trở thành “Phật giáo Việt Nam” theo ý nghĩa không chỉ là một tôn giáo tồn tại trên lãnh thổ Việt Nam, mà còn là một phần nội tại của bản sắc Việt.

Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, đặc biệt là trong những thời kỳ quốc nạn, Phật giáo Việt Nam luôn nêu cao ngọn cờ yêu nước, kề vai sát cánh cùng Nhân dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Truyền thống “nhập thế” của Phật giáo Việt Nam, cùng với tư tưởng “hộ quốc an dân” đã được thể hiện rõ nét, đặc biệt là dưới thời Lý-Trần. Các giá trị cốt lõi của Phật giáo như từ bi, hỷ xả, cứu khổ, cứu nạn, bình đẳng, bác ái đã dễ dàng đi vào lòng người, hòa quyện với phong tục, tập quán và tinh thần nhân nghĩa của người Việt Nam. Mối quan hệ gắn bó giữa “Đạo” (Phật pháp) và “Đời” (cuộc sống, dân tộc) là một đặc điểm nổi bật của Phật giáo Việt Nam, khi quốc gia đối mặt với mối đe dọa tồn vong, Phật giáo phản ứng tự nhiên và phù hợp với lịch sử, chứ không phải là một liên minh chính trị bị ép buộc.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Đảng đã xác định rõ đoàn kết toàn dân tộc, bao gồm cả đồng bào có đạo và không có đạo, để thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc. Trong Chỉ thị về thành lập Hội Phản đế đồng minh ngày 18/11/1930, Đảng đã khẳng định chính sách “bảo đảm tự do tín ngưỡng của quần chúng, đập tan luận điệu phản tuyên truyền: cộng sản là vô chính phủ, vô gia đình, vô tôn giáo”. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời ngày 03/09/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ “Tự do tín ngưỡng” và “đoàn kết lương - giáo” là một trong những nhiệm vụ cấp bách hàng đầu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sắc lệnh số 35/SL ngày 20/09/1945 quy định tôn trọng và không xâm phạm chùa chiền, đền miếu; Sắc lệnh số 22/SL ngày 18/12/1946 quy định các ngày lễ quốc gia, lịch sử và tôn giáo; Điều 10 của Hiến pháp năm 1946 khẳng định “Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng”. Đến năm 1951, Đại hội II của Đảng Lao động Việt Nam tiếp tục khẳng định “Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người”. Đảng cũng kiên quyết xử lý những kẻ lợi dụng tôn giáo để phản bội Tổ quốc.



(Ảnh: Internet)

Trong giai đoạn 1945-1954, Phật giáo Việt Nam đã có nhiều hoạt động yêu nước, đóng góp quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với tinh thần “vừa kháng chiến, vừa hoằng pháp”. Nhiều tăng ni, phật tử, sau khi giác ngộ Phật pháp, đã giác ngộ cách mạng, sẵn sàng giúp đỡ và đi theo kháng chiến, thậm chí chịu tù đày và hy sinh. Nhiều ngôi chùa đã trở thành cơ sở cách mạng hỗ trợ kháng chiến. Việc tham gia vào cuộc đấu tranh dân tộc không phải là sự chệch hướng khỏi bước đường tu học mà là ý nghĩa thiết thực của tu học, khi đó, con đường giác ngộ gắn liền với những hành động ích nước lợi dân. Hoằng pháp và cứu quốc củng cố lẫn nhau, tạo ra một sức mạnh tổng hợp cho những đóng góp to lớn của Phật giáo Việt Nam đối với cách mạng.

Bài viết này phân tích các hoạt động và vai trò của các tổ chức Phật giáo yêu nước trong cuộc kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1945-1954, xác định những giá trị rút ra từ giai đoạn lịch sử này có thể được phát huy trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ngày nay.

2. Hoạt động của các tổ chức Phật giáo yêu nước trong Cách mạng trong giai đoạn 1945- 1954

2.1. Thành lập và phát triển các tổ chức Phật giáo yêu nước

Để tập hợp và phát huy sức mạnh quần chúng Phật tử, nhiều tổ chức Phật giáo yêu nước đã được thành lập trên khắp cả nước. Các tổ chức tiêu biểu bao gồm Hội Tăng già Cứu quốc, Hội Phật giáo Cứu quốc các cấp và Hội Thanh niên Phật giáo Cứu quốc... Sự ra đời của các tổ chức này thể hiện Phật giáo chủ động hòa

mình vào dòng chảy cách mạng.

Trong khi diễn ra Cách mạng Tháng Tám, Đoàn Tăng già Cứu quốc phủ bộ Thủy Nguyên (Hải Phòng) sớm được thành lập vào ngày 30/08/1945 tại chùa Phương Mỹ (2). Hội Phật giáo Cứu quốc Việt Nam ra đời muộn hơn một số tổ chức cứu quốc khác thuộc Mặt trận Việt Minh, ngày 23/08/1945, một phái đoàn gồm hơn mười nhà sư Hà Nội do Hòa thượng Đỗ Văn Hỷ dẫn đầu đã đến Bắc Bộ phủ yết kiến Chính phủ Lâm thời, nhận được sự biểu dương từ Đại tướng Võ Nguyên Giáp (3). Sau đó, các Hội Phật giáo Cứu quốc lần lượt được thành lập ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ và các tỉnh.

Tại Nam Bộ, Hội Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ được thành lập năm 1947 tại Đồng Tháp Mười, do Hòa thượng Thích Minh Nguyệt làm Hội trưởng. Ban Chấp hành Hội có đại biểu Phật giáo của 21 tỉnh thành, phong trào lan rộng khắp (4). Hòa thượng Thích Minh Nguyệt đã tuyên bố “Phật giáo Việt Nam chỉ bền vững và có ý nghĩa khi đã biết gắn mình vào với dân tộc Việt Nam, hòa mình trong cộng đồng dân tộc Việt Nam...” (5). Mặc dù Hội Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ sau đó đã giải thể vào năm 1949, nhưng các đại diện của Hội vẫn hoạt động trong Hội Liên Việt, tiếp tục duy trì gắn kết với cách mạng.

Trước tình trạng rời rạc, chia phôi trong Phật giáo miền Nam, Giáo hội Lục hòa Tăng Nam Việt đã được thành lập vào ngày 08/11/1951 tại chùa Giác Lâm (Sài Gòn) (6) với mục đích củng cố Tăng giới, thúc đẩy tinh thần đoàn kết Lục hòa và lãnh đạo thống nhất sứ mệnh “dữ lạc, bạt khổ” (ban vui, trừ khổ) cho chúng sinh, Hòa thượng Thiện Tông được suy cử làm Đại Tăng trưởng.

2.2 Trực tiếp tham gia kháng chiến

Trong kháng chiến chống Pháp, nhiều tăng ni đã trực tiếp tham gia các hoạt động quân sự và dân sự, thể hiện tinh thần “cởi cà sa, khoác chiến bào”, dấn thân vào cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Tại Nam Định, ngày 27/02/1947, 27 nhà sư tại chùa Cổ Lễ đã làm lễ phát nguyện trở thành vệ quốc quân, trong đó có 12 vị đã anh dũng hy sinh. Ở Ninh Bình, 60 sư ni tham gia công tác tiếp tế, tuần tra, sau đó trở thành cứu thương hoặc hộ lý tại các trạm quân y. Tại Hải Dương, Thượng tọa Thích Minh Luân đã vận động tăng ni, Phật tử tham gia kháng chiến, với hai đệ tử của ông tòng quân cứu nước và một vị đã hy sinh. Cư sĩ Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha (tên thật Nguyễn Hữu Kha) động viên các đệ tử xung phong tòng quân, tham gia dân công hỏa tuyến hoặc các đoàn thể kháng chiến, nhiều vị đã lập chiến công và hy sinh.

Nhiều vị cao tăng đã trực tiếp tham gia vào Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt. Tại Huế, các cao tăng như Thích Trí Thủ, Thích Mật Thể đã gia nhập Mặt trận

Việt Minh. Ở Liên khu 5, tăng sĩ và cư sĩ hoạt động mạnh mẽ trong Hội Phật giáo Cứu quốc các cấp. Tại Nam Bộ, các vị cao tăng như Thích Minh Nguyệt, Thích Pháp Dũng, Thích Trung Nghĩa, Thích Thiện Hào, Thích Thiện Hoa đã lãnh đạo phong trào cứu quốc và là thành viên tích cực của Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt. Hòa thượng Thích Pháp Trừng, tham gia hoạt động cách mạng bí mật từ năm 1939, làm Hội trưởng Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Mỹ Tho và đã bị giặc bắt, cầm tù. Hòa thượng Danh Hâu đã vận động Phật tử Nam tông Khmer đóng góp của cải, vật chất cho kháng chiến.

Sự hy sinh của tăng ni, Phật tử là minh chứng hùng hồn cho tinh thần yêu nước. Nhiều tăng sĩ và cư sĩ đã chiến đấu và hy sinh như Hòa thượng Thích Pháp Hoa, Hòa thượng Thích Trí Quang. Tinh thần kiên cường của các ngài được thể hiện qua những hành động dũng cảm, như trường hợp Hòa thượng trụ trì chùa Phước Liễu đã hô to “Việt Minh muôn năm! Hồ Chủ tịch muôn năm!” trước khi bị xử bắn. Mặc dù giáo lý Phật giáo chủ trương bất bạo động, song, khi quốc gia trăm họ đối mặt với đe dọa tồn vong, việc hộ quốc an dân trở thành một sứ mạng đạo đức thiêng liêng.

2.3 Hỗ trợ gián tiếp cho kháng chiến

Bên cạnh việc trực tiếp tham gia chiến đấu, các tổ chức Phật giáo yêu nước còn có nhiều hoạt động hỗ trợ gián tiếp cho kháng chiến.

Biến chùa thành cơ sở cách mạng. Nhiều ngôi chùa trên khắp cả nước làm nơi hội họp, nuôi giấu cán bộ, cất giấu quân lương vũ khí. Tại các đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, chùa chiền là những điểm trung chuyển quan trọng cho cán bộ hoạt động nội thành, thậm chí là trụ sở tạm thời của chính quyền kháng chiến. Ví dụ, chùa Phụng Thánh (Hà Nội) có hầm bí mật để nuôi giấu cán bộ; chùa Lạc Viên và Dư Hàng (Hải Phòng) che chở cán bộ cách mạng và cung cấp lương thực. Ở các vùng nông thôn, chùa chiền đóng nhiều vai trò khác như, như chùa Diên Phúc (Hà Đông) là địa điểm hoạt động bí mật; chùa Bay (Ứng Hòa) làm trạm gác; chùa Hoa Sơn (Ninh Bình) đặt sở chỉ huy chiến dịch và nơi làm việc của Tỉnh ủy Ninh Bình; chùa Bích Động đặt công binh xưởng chế tạo vũ khí; chùa Diêu (Hưng Yên) có hầm bí mật lớn để xuất kích bắn cháy xe quân vận địch. Tại miền Trung, chùa Pháp Lâm (Đà Nẵng) trở thành trụ sở Hội Phật giáo Cứu quốc, chắt chiu hũ gạo nuôi quân và lấy giảng đường làm chỗ trú quân. Chùa Châu Quang (Quảng Ngãi) làm kho muối, chùa Long Quang làm kho thóc nuôi quân và chùa Thiên Sanh là nơi trú quân an toàn. Ở miền Nam, các chùa như Phước Long (Long An) bảo vệ cán bộ cách mạng, Phước Lâm là cơ sở giao liên và tiếp tế vũ khí. Các chùa Giác Quang, Thiên Quang (Cần Thơ) là cơ sở vững chắc cho cán bộ hoạt động nội thành. Chùa Trường Thạnh (Sài Gòn) là

nơi hội họp, trú ngụ cho cách mạng.

Quyên góp, kinh tài. Phật giáo đã có những đóng góp, tích cực quyên góp tiền của, ủng hộ Quỹ Kháng chiến Nam Bộ và tổ chức hiến máu nhân đạo. Đáp lại lời kêu gọi “tiêu thổ kháng chiến” của Chính phủ, Hội Phật giáo Việt Nam đã hủy máy in Đuốc Tuệ và nhiều cơ sở vật chất khác để ủng hộ kháng chiến. Nhiều ngôi chùa ở Bắc Bộ đã tự tháo dỡ để ngăn bước tiến quân thù. Hơn nữa, nhiều chùa đã hiến tặng chuông, khánh và các tự khí bằng đồng để nấu chảy sản xuất vũ khí, đạn dược.

Tuyên truyền, dân vận. Tăng ni và Phật tử tích cực tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia kháng chiến. Thượng tọa Tố Liên, hoạt động ở vùng tạm chiếm, đã từ chối hợp tác với Pháp và giúp đỡ các nhà sư bị bắt trốn thoát, trở thành một tấm gương tiêu biểu cho tinh thần bất hợp tác.

2.4 Hoạt động giáo dục và xã hội

Ngoài việc trực tiếp và gián tiếp hỗ trợ quân sự, các tổ chức Phật giáo còn xây dựng đất nước thông qua giáo dục và xã hội. Tăng ni kiêm thầy giáo, chùa biến thành trường học. Cư sĩ Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha mở các lớp bình dân học vụ và lớp Phật học Trần Nhân Tông ở Bắc Bộ, góp phần xóa nạn mù chữ và nâng cao dân trí. Ở Liên khu 5, Hòa thượng Thích Huệ Chiếu đã mở Phật học đường tại chùa Thiên Đức để đào tạo tăng tài, chuẩn bị đội ngũ lãnh đạo cho Phật giáo trong tương lai. Tại Hà Nội, Hội Phật giáo Việt Nam đã thành lập Trường Tiểu học Khuông Việt và Trường Ni giới Vạn Hạnh. Từ năm 1952, các trường Trung học Tư thực Bồ Đề và Tiểu học Tư thực Bồ Đề đã được mở rộng nhanh chóng khắp miền Trung và Sài Gòn, đáp ứng nhu cầu giáo dục của xã hội. Ở miền Nam, Thượng tọa Thích Thiện Hoa mở lại Phật học đường tại chùa Phật Quang và các Thượng tọa Thích Trí Tịnh, Thích Quảng Minh, Thích Huyền Dung đã mở Phật học đường Liên Hải và Mai Sơn. Nhà sư Hành Trụ mở lớp Sơ đẳng Phật học, năm 1948, Thượng tọa Thích Thiện Hoa đã hợp nhất ba trường thành Phật học đường Nam Việt vào năm 1950. Giáo hội Lục hòa Tăng Nam Việt lập cô nhi viện, nhà dưỡng lão và các chương trình cứu tế xã hội.

3. Giá trị phát huy cho ngày nay

Những bài học và giá trị từ sự đóng góp của các tổ chức Phật giáo yêu nước trong giai đoạn 1945-1954 vẫn còn nguyên giá trị cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ngày nay.

3.1 Phát huy tinh thần yêu nước, gắn bó đồng hành cùng dân tộc

Phật giáo Việt Nam vốn dĩ đã mang trong mình tinh thần yêu nước, thể hiện sự gắn bó mật thiết giữa đạo và đời. Cái đẹp đẽ, cao cả (đạo) không ở đâu xa mà hiện hữu ngay trong thế giới hiện thực này (đời). Phật pháp khuyên người vượt qua những hẹp hòi, nuôi dưỡng tình thương và trách nhiệm. Lòng từ bi (karuna) và lòng nhân ái (metta), là căn bản Phật pháp, đem lại hạnh phúc đến tất cả chúng sinh, nhất là chúng sinh đang chìm trong miền trường khổ cảnh như nhân dân Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954 trước nguy cơ xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp.

Ngày nay, cần tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc trường tồn, hùng mạnh bằng những hành động thiết thực, cụ thể. Cố gắng giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của Phật giáo nói riêng và cộng đồng các tôn giáo nói chung cho sự nghiệp phát triển đất nước, không ngừng chăm lo đời sống cho nhân dân, tạo điều kiện cho đồng bào có đạo và chức sắc các tôn giáo thực hiện tốt việc tu hành chân chính và làm tròn bốn phận của công dân đối với Tổ quốc.

3.2 Ứng dụng giá trị đạo đức Phật giáo xây dựng xã hội văn minh, nghĩa tình

Những giá trị đạo đức của Phật giáo được xây dựng trên sự thấu hiểu, đồng cảm, khoan dung và vị tha; coi bốn phận và nghĩa vụ là những phương tiện hữu hiệu để nhận thức và điều chỉnh hành vi, tu rèn đạo đức cá nhân.

Các giá trị tốt đẹp như “từ bi”, “hỷ xả”, “cứu khổ, cứu nạn” và “bình đẳng, bác ái” từ ngàn xưa đã hòa quyện sâu sắc với văn hóa Việt Nam, góp phần làm phong phú thêm thuần phong mỹ tục truyền thống dân tộc và ảnh hưởng sâu sắc đến đạo đức, tâm lý, lối sống của người Việt Nam.

Là tôn giáo có số lượng tín đồ đông đáng kể tại nước ta hiện nay, Phật giáo có nhiều ảnh hưởng tích cực trong đời sống xã hội, góp phần làm phong phú, sâu sắc thêm các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống, xây dựng hạnh phúc của con người và tư tưởng độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam. Việc ứng dụng các giá trị này vào đời sống hiện đại có thể góp phần xây dựng một xã hội văn minh, nghĩa tình, con người sống với nhau có đạo đức, có trách nhiệm, giữ gìn chuẩn mực với bản thân, gia đình và cộng đồng.

Kết luận

Giai đoạn 1945-1954 là một minh chứng hùng hồn cho tinh thần yêu nước và sự nhập thế của các tổ chức Phật giáo Việt Nam. Đứng trước hiểm họa mất nước,

các tổ chức Phật giáo yêu nước đã tham gia vào mọi mặt của cuộc kháng chiến, thể hiện sự dấn thân toàn diện. Vai trò của Phật giáo trong giai đoạn này là vô cùng to lớn. Tất cả những đóng góp này đã hòa quyện vào dòng chảy chung của cách mạng, góp phần không nhỏ vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Ngày nay, những giá trị đó vẫn còn nguyên ý nghĩa và cần được tiếp tục phát huy, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước và nâng cao đời sống tinh thần cho toàn dân.

Tác giả: **ThS. Hồ Bảo (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

2) Nguyễn Đại Đồng (2020), “Đôi điều về Phật giáo Cứu quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 7, tr. 55.

3) Nguyễn Đại Đồng (2020), *tlđđ*.

4) Nguyễn Đại Đồng (2014), “Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, số 09(135), tr. 79

5) Hà Thúc Minh (1986), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam và vấn đề Phật giáo*. Trong “*Mấy vấn đề Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*” Viện Triết học, Hà Nội, tr. 47

6) Nguyễn Thị Như (2020), *Quan điểm của Đảng về tôn giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, truy cập tại <https://tapchilichsudang.vn/quan-diem-cua-dang-ve-ton-giao-trong-khang-chien-chong-thuc-dan-phap-1945-1954.html> ngày 06/8/2025

Tài liệu tham khảo:

1] Hà Thúc Minh (1986), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam và vấn đề Phật giáo*. Trong “*Mấy vấn đề Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*” Viện Triết học, Hà Nội;

2] Nguyễn Đại Đồng (2020), “Đôi điều về Phật giáo Cứu quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 7, tr. 55-61

3] Nguyễn Đại Đồng (2014), “Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp”, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 09(135), tr. 77-91

4] Nguyễn Thị Như (2020), Quan điểm của Đảng về tôn giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), truy cập tại <https://tapchilichsudang.vn/quan-diem-cua-dang-ve-ton-giao-trong-khang-chien-chong-thuc-dan-phap-1945-1954.html> ngày 06/8/2025